

Số: 993/17/QĐ-CTHN-TTKT10-XPVPHC

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Xử phạt vi phạm hành chính

Căn cứ Điều 57, Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ các Luật thuế, Luật Phí và lệ phí và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế;

Căn cứ Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn;

Căn cứ Quyết định số 1836/QĐ-BTC ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục thuế thành phố Hà Nội;
Tổng cục Thuế;

Căn cứ Biên bản thanh tra thuế lập ngày 12/11/2020 của Đoàn Thanh tra thuế của Cục Thuế TP Hà Nội theo Quyết định số 88023/QĐ-CT-TKT10 ngày 02/10/2020 của Cục trưởng Cục thuế TP Hà Nội tại Công ty cổ phần Halcom Việt Nam;

Căn cứ Kết luận thanh tra số 993/15 /KL-CTHN-TTKT10 ngày 17/11/2020.

Căn cứ Quyết định về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính số 74622/QĐ-CT-GQXP ngày 31/12/2019 của Cục Thuế TP Hà Nội;

Tôi: Viên Viết Hùng;

Chức vụ: Phó Cục trưởng, Cục Thuế TP Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

Công ty cổ phần Halcom Việt Nam,

Mã số thuế: 0101143879,

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, số 106 Hoàng Quốc Việt quận Cầu Giấy thành phố Hà Nội.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101143879 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/07/2001, Đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 02/8/2019.

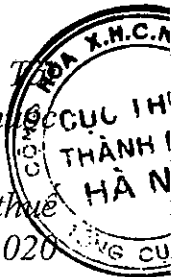
Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Quang Huân

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

2. Đã thực hiện các hành vi vi phạm hành chính:

-Về thuế GTGT: Công ty chưa xuất hóa đơn và kê khai thiếu đối với hoạt động chuyên nhượng vốn, chưa phân bổ thuế GTGT đầu vào được khấu trừ cho doanh thu không chịu thuế GTGT, sử dụng các hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ của các doanh



nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh như vậy chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 4, Điều 9, Điều 11, Điều 19 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Điều 16 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính của Bộ Tài chính.

-Về thuế TNDN: Công ty chưa hạch toán đúng các khoản chi phí trực lập dự phòng, sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh như vậy chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 6 Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Điều 6 Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính và Điều 4 Thông tư số 96/2016/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

3. Các tình tiết tăng nặng: Không có.

4. Các tình tiết giảm nhẹ: Không có.

5. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền

Cụ thể:

- Phạt tiền: 280.788.808 đồng (*bằng chữ: Hai trăm tám mươi triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn tám trăm linh tám đồng*) theo quy định tại Khoản 33, Điều 1, Luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Khoản 2, Điều 10 Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ do đơn vị có hành vi kê khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp - TM 4254.

b) Hình thức xử phạt bổ sung: Không có .

c) Các biện pháp khắc phục hậu quả:

* Chi tiết các biện pháp:

- Nộp đủ số tiền thuế GTGT. còn thiếu vào Ngân sách nhà nước, số tiền: 763.673.644 đồng (*bằng chữ: Bảy trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng*). Trong đó: năm 2017: 560.159.799 đồng; năm 2018: 25.766.988 đồng, năm 2019: 177.746.858 đồng (*TM 1701*).

- Nộp đủ số tiền thuế TNDN còn thiếu vào Ngân sách nhà nước, số tiền: 640.270.393 đồng (*bằng chữ: Sáu trăm bốn mươi triệu hai trăm bảy mươi nghìn ba trăm chín mươi ba đồng*). Trong đó: năm 2017: 459.182.351 đồng; năm 2018: 517.379.896 đồng, năm 2019: -336.291.854 đồng (*TM 1052*).

- Nộp tiền chậm nộp tiền thuế vào Ngân sách nhà nước, số tiền: 358.023.400 đồng (*bằng chữ: Ba trăm năm mươi tám triệu không trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm đồng*) theo quy định tại Khoản 32, Điều 1 Luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Điều 3 Luật thuế số 106/2016/QH13 ngày 06/04/2016 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế TTĐB, Luật Quản lý thuế và Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ. Trong đó:

+ Nộp tiền chậm nộp tiền thuế TNDN: 196.471.836 đồng - *TM 4918*

+ Nộp tiền chậm nộp tiền thuế GTGT: 161.551.564 đồng - *TM 4931*.

Số tiền chậm nộp tiền thuế nêu trên được tính đến hết ngày 10/11/2020. Công ty cổ phần Halcom Việt Nam tự tính và nộp số tiền chậm nộp tiền thuế kể từ ngày 11/11/2020 đến ngày nộp đủ số tiền thuế thiếu vào ngân sách nhà nước.

* Thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Công ty cổ phần Halcom Việt Nam phải chấp hành quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận quyết định này.

* Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do Công ty cổ phần Halcom Việt Nam chi trả.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông Nguyễn Quang Huân đại diện cho Công ty cổ phần Halcom Việt Nam để chấp hành.

Công ty cổ phần Halcom Việt Nam phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công ty cổ phần Halcom Việt Nam không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

Công ty cổ phần Halcom Việt Nam phải nộp tiền phạt, tiền khắc phục hậu quả vào tài khoản số tài khoản số 7111 của Kho bạc thành phố Hà Nội, cơ quan quản lý thu: Cục Thuế thành phố Hà Nội trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận Quyết định xử phạt.

Công ty cổ phần Halcom Việt Nam có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

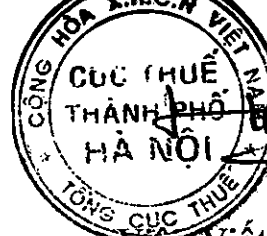
2. Gửi cho Kho bạc thành phố Hà Nội để thu tiền phạt.

3. Gửi cho Phòng Thanh tra Kiểm tra số 5, Trưởng Phòng Thanh tra Kiểm tra số 10, Phòng quản lý Nợ và cưỡng chế; Phòng kê khai và kế toán thuế để tổ chức thực hiện./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phòng TTKT 5
- Lưu: Hồ sơ, VT, TTKT 10. (8;4)

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH



Viện Việt Hùng

PHÓ CỤC TRƯỞNG

